

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 thay thế các quy định về thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế tại Chương I, II, III và Chương VIII Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; (74b)
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Địa chỉ email: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: TH, KT, VX, NC, HC, QT. *ff*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chuyên



QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan hành chính nhà nước, gồm: các sở và cơ quan tương đương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban ngành); các tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành (gồm: phòng, Chi cục, Ban và các tổ chức hành chính tương đương khác thuộc các sở và cơ quan tương đương sở); các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thuộc sở, ban ngành; thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành; thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao số lượng người làm việc.

c) Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc thực hiện quản lý về tổ chức, biên chế phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ, các văn bản có liên quan.

Điều 3. Phân cấp trách nhiệm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý tổ chức, biên chế thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

Trong phạm vi trách nhiệm quản lý của mình, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (các tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân, trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn) thực hiện một số nội dung về công tác quản lý tổ chức, biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn) thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành, trực thuộc sở, ban ngành và tương đương, trực thuộc các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp trong quản lý tổ chức, biên chế theo nội dung phân cấp này.

Chương II THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TỔ CHỨC

Điều 4. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành theo quy định của pháp luật.

3. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Quyết định phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thuộc sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế; thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thuộc phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Quyết định cho phép hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh đặt văn phòng đại diện. Quản lý nhà nước đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh.

2. Quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định phê duyệt điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; phê duyệt phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật.

4. Quyết định xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc sở, ban ngành, thuộc tổ chức hành chính thuộc sở, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thuộc phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

5. Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ, cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh và quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

7. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thực hiện công tác quản lý đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Thẩm định nội dung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Thẩm định đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của bộ, ngành trung ương và luật chuyên ngành.

4. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thẩm định việc thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã.

8. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động, cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh và quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

9. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thực hiện công tác quản lý đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã theo quy định của pháp luật.

10. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hội có phạm vi hoạt động trong cả nước, hội có phạm vi hoạt động liên tỉnh đặt văn phòng đại diện của hội ở địa phương theo quy định của pháp luật.

11. Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hội, quỹ đối với các hội, quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh. Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hội, quỹ.

Điều 7. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động thuộc thẩm quyền của sở, ban ngành quản lý. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý của sở, ban ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện).

Điều 9. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; ban hành hoặc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã.

Điều 10. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại các phòng, khoa, tổ bộ môn chuyên môn, tổ chức trực thuộc (trừ các tổ chức có tư cách pháp nhân) sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Ban hành hoặc dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương III THẨM QUYỀN QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 11. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức; tổng hợp, xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giao biên chế công chức (trong tổng biên chế Bộ Nội vụ giao); phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ) và tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội đặc thù của tỉnh, thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Thẩm định, tổng hợp lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội đặc thù của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo quy định.

4. Thanh tra, kiểm tra đối với các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh thực hiện công tác quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và đề xuất xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 13. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh

1. Quản lý biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý

a) Tổ chức triển khai chỉ tiêu biên chế công chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm hiệu quả; quyết định phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập kế hoạch biên chế công chức theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch biên chế công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; tổng hợp, xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm của cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

d) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo về tình hình thực hiện và quản lý biên chế công chức tại cơ quan, đơn vị cho cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

2. Quản lý số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị theo quy định.

b) Trên cơ sở số lượng người làm việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định phân bổ số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ).

c) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp, báo cáo về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 14. Đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện cơ chế tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất số lượng người làm việc của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định (trừ đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên tự quyết định số lượng người làm việc đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị). Chịu trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị về cơ quan, cấp có thẩm quyền quản lý.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các hội đặc thù cấp tỉnh; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chuyên